

**BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN,
NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/BCĐTW-TTT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

V/v hướng dẫn lập bảng kê
các loại đơn vị điều tra

Kính gửi: Các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và
thủy sản năm 2011 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 1785/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2010 của
Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và
thủy sản năm 2011 và Phương án Tổng điều tra ban hành theo Quyết định số
338/QĐ-BKHĐT ngày 17/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban
Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương gửi tới
các Ban Chỉ đạo TĐT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Quy trình lập
bảng kê (gửi kèm công văn này).

Đề nghị Ban Chỉ đạo TĐT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ
chức triển khai công tác lập bảng kê theo đúng qui định trong Quy trình lập
bảng kê. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng - Trưởng ban (để b/c);
- Các thành viên BCĐTW;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực
thuộc TW;
- Lưu: VT, NLTS.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Đỗ Thúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

QUY TRÌNH
Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong
Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011

PHẦN I. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

I. KHÁI NIỆM, Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG CỦA LẬP BẢNG KÊ

1. Khái niệm

Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011 (sau đây gọi tắt là TĐT NN 2011) được hiểu là công việc liệt kê (lập danh sách) tất cả các đơn vị điều tra thuộc phạm vi của cuộc Tổng điều tra trên một khu vực địa lý nhất định (được gọi là địa bàn điều tra) với một số tiêu chí cụ thể và một qui tắc thống nhất để ghi vào biểu mẫu được thiết kế trước.

Kết quả của việc lập bảng kê là một tập hợp các danh sách các đơn vị điều tra được kỳ vọng là đầy đủ nhất, được cập nhật nhất tại từng địa bàn điều tra cho từng loại đơn vị điều tra.

Trong TĐT NN 2011 có các loại bảng kê sau đây:

- (1) Bảng kê hộ điều tra toàn bộ;
- (2) Bảng kê hộ điều tra mẫu;
- (3) Bảng kê trang trại.

Riêng danh sách các UBND xã được Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh liệt kê theo từng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa phương có đến 31/6/2011.

2. Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lập bảng kê

a) Thông tin từ các bảng kê được sử dụng chủ yếu vào các công việc của Tổng điều tra như sau:

- Cung cấp thông tin ban đầu, quan trọng làm cơ sở cho Ban Chỉ đạo TĐT các cấp xác định qui mô của từng loại đơn vị điều tra trên từng địa bàn, từ đó xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho cuộc Tổng điều tra như: xác định thời gian cần thiết cho công tác thu thập thông tin tại địa bàn; xác định số lượng điều tra viên và tổ trưởng cần tuyển dụng; số lượng giám sát viên cần huy động; lập và điều chỉnh dự toán khối lượng các loại tài liệu phục vụ điều tra (phiếu điều tra, sổ tay hướng dẫn, qui trình nghiệp vụ và các tài liệu có liên quan khác) và các vật tư văn phòng phẩm; lập và điều chỉnh dự toán kinh phí cho từng hoạt động theo đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh và cả nước...;

- Giúp Ban Chỉ đạo TĐT các cấp chủ động trong chỉ đạo và quản lý, điều hành các khâu công việc và theo dõi tiến độ thực hiện trên khu vực, địa bàn được phân công phụ trách nhằm bảo đảm cuộc điều tra thực hiện đầy đủ về phạm vi và theo đúng tiến độ đã đề ra;

- Giúp Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã chủ động trong phân công các đơn vị điều tra cụ thể cho từng điều tra viên và tổ trưởng; theo dõi tiến độ thực hiện khối lượng điều tra của từng điều tra viên;

- Giúp điều tra viên nhận biết số lượng, phạm vi và địa chỉ của các đơn vị điều tra được phân công, bảo đảm trong quá trình tiến hành thu thập thông tin được đầy đủ, chính xác, tránh trùng lặp cũng như bỏ sót đơn vị điều tra;

- Giúp tổ trưởng có thông tin để phân chia địa bàn, phân công số lượng đơn vị cần thu thập thông tin cho từng điều tra viên thuộc quyền và là một căn cứ để giám sát khối lượng công việc hàng ngày của từng điều tra viên;

- Làm dàn chọn mẫu giúp Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh và cấp huyện tiến hành chọn mẫu cho điều tra mẫu thu thập các thông tin chuyên sâu của hộ ở nông thôn.

b) Với ý nghĩa, tầm quan trọng của bảng kê trong TĐT NN 2011 như đã nêu trên, có thể nói lập bảng kê là một hoạt động “điều tra cơ bản ban đầu” và chất lượng của công tác lập bảng kê góp phần quan trọng vào thành công của cuộc Tổng điều tra.

II. YÊU CẦU CỦA LẬP BẢNG KÊ

Việc lập bảng kê phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Đầy đủ về phạm vi: Không trùng lặp, không bỏ sót đơn vị điều tra; không bao gồm những đơn vị không thuộc phạm vi điều tra.

- Chính xác: Thông tin trong bảng kê phải được ghi chép chính xác, phản ánh đúng thực trạng về đơn vị điều tra theo các tiêu chí đã được nêu tại biểu mẫu qui định và được ghi chép theo đúng qui trình do Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương qui định, không được ghi chép một cách tùy tiện, ngẫu hứng.

- Được cập nhật: Bảng kê cần được cập nhật cho sát với thực tế của địa phương. Sau khi được lập, danh sách đơn vị điều tra còn cần được tiếp tục cập nhật trước thời điểm điều tra và trong thời kỳ điều tra.

PHẦN II. NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ

I. QUI TRÌNH LẬP BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA TOÀN BỘ

1. Khái niệm về hộ

Hộ bao gồm một người ăn ở riêng hoặc một nhóm người ở chung và ăn chung. Đối với hộ có từ 2 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai;

Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần trên một đơn vị nhà ở, nhưng cũng có những hộ sống trong các lều/lán/trại/nhà trọ/khách sạn; hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá..., hoặc không có nhà ở;

Trong hầu hết các trường hợp, một hộ chỉ bao gồm những người có quan hệ họ hàng, như bố mẹ và các con, hoặc các gia đình nhiều thế hệ. Trong một số trường hợp, thậm chí chỉ những người có quan hệ họ hàng xa hoặc không có quan hệ họ hàng với nhau cũng là thành viên của một hộ;

Thông thường, một hộ gồm những người ở chung trong một đơn vị nhà ở. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi có hai nhóm gia đình trở lên hoặc có hai nhóm người trở lên không có quan hệ họ hàng tuy có ở chung trong một đơn vị nhà ở nhưng không ăn chung với nhau, mỗi nhóm gia đình như vậy tạo thành một hộ;

Một người tuy ở chung trong đơn vị nhà ở với một hộ nhưng lại nấu ăn riêng hoặc ăn ở nơi khác, thì người đó không được coi là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, mà phải tách ra thành một hộ riêng;

Nếu hai nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở hai đơn vị nhà ở khác nhau, thì hai nhóm này tạo thành hai hộ khác nhau.

Chú ý: Cuộc TĐT NN 2011 không lập bảng kê và không điều tra những người độc thân sống tập thể tại các trường học, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp, nông, lâm trường, nhà chung, nhà chùa...

2. Quy trình lập bảng kê về hộ điều tra toàn bộ

Bước 1. Xác định địa bàn điều tra, rà soát, cập nhật, lập danh sách địa bàn điều tra

a) Địa bàn điều tra được qui ước là một thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn). Đối với khu vực thành thị, nếu số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở tổ dân phố dưới 100 hộ thì ghép một số tổ dân phố liền kề nhau thành một địa bàn điều tra với quy định tổng số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản của một địa bàn không quá 250 hộ.

Việc thực hiện chia tách thôn thành một số địa bàn điều tra được tiến hành trong các trường hợp sau:

- Đối với vùng núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa: Nếu thôn có quy mô từ 150 hộ trở lên thì chia tách thành một số địa bàn với qui ước mỗi địa bàn có qui mô không dưới 70 hộ;
- Đối với các vùng còn lại: Nếu thôn có quy mô từ 250 hộ trở lên thì chia tách thành một số địa bàn điều tra với qui ước mỗi địa bàn có qui mô không dưới 120 hộ.

Việc ghép những tổ dân phố liền kề hoặc chia tách thôn để tạo thành (các) địa bàn điều tra phải đảm bảo ranh giới địa bàn điều tra rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng, không được ghép một phần tổ dân phố này với một phần hoặc trọn một tổ dân phố khác để tạo thành một địa bàn điều tra.

b) Ban Chỉ đạo cấp xã rà soát, cập nhật và lập danh sách địa bàn điều tra theo Mẫu số 01-ĐB/TĐTNN-HO.

- Đối với khu vực nông thôn: căn cứ vào qui định về địa bàn điều tra và danh mục địa bàn điều tra từ Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2009 do Tổng cục Thống kê gửi, các Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh tổ chức rà soát, cập nhật và lập danh sách địa bàn điều tra cho từng xã.
- Đối với khu vực thành thị: việc xác định và lập danh sách địa bàn điều tra được thực hiện sau khi hoàn thành việc lập bảng kê hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở các tổ dân phố. Nếu số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở tổ dân phố dưới 100 hộ thì ghép một số tổ dân phố liền kề nhau thành một địa bàn điều tra với quy định tổng số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản của một địa bàn không quá 250 hộ.

Bước 2. Lập bảng kê hộ điều tra toàn bộ

a) Bảng kê các hộ điều tra toàn bộ được lập cho từng địa bàn điều tra theo Mẫu số 03-BK/TĐTNN-HO do Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương qui định với nội dung bao gồm các thông tin sau:

- Số thứ tự hộ;
- Họ, tên chủ hộ;
- Địa chỉ của hộ;
- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và diện tích nuôi trồng thủy sản.

b) Người được giao nhiệm vụ lập bảng kê phải trực tiếp đi tuần tự đến từng hộ gặp chủ hộ hoặc người đại diện của hộ để hỏi và ghi chép vào bảng kê theo đúng mẫu biểu qui định.

c) Người lập bảng kê ghi danh sách các hộ trong địa bàn theo từng điểm dân cư; qui ước thống nhất từ đầu địa bàn đến cuối địa bàn theo hướng từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây tùy theo địa hình từng địa bàn và theo các trục đường thuận tiện cho điều tra viên trong quá trình điều tra. Không ghi theo vần chữ cái (A, B, C,...), không lập tùy tiện, ngẫu hứng.

Khi đánh số thứ tự hộ, địa bàn và thôn người lập bảng kê cần lưu ý:

- Trong từng địa bàn, số thứ tự hộ trong bảng kê được đánh liên tục từ hộ số 1 đến hộ cuối cùng.
- Trường hợp thôn có hơn 1 địa bàn điều tra thì số thứ tự địa bàn được đánh liên tục từ địa bàn đầu tiên đến địa bàn cuối cùng trong thôn.
- Số thứ tự thôn được đánh tuần tự từ thôn đầu tiên đến thôn cuối cùng trong xã.

d) Người lập bảng kê sau khi hoàn thành việc lập bảng kê phải ký tên, ghi rõ họ, tên và bàn giao đầy đủ bảng kê cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã hoặc Chủ tịch UBND phường, thị trấn nơi không đủ điều kiện thành lập Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã.

Bước 3. Cập nhật bảng kê hộ điều tra toàn bộ

a) Trong 3 ngày cuối tháng 6/2011 và trong quá trình điều tra, Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn nơi không đủ điều kiện thành lập Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã tổ chức rà soát, cập nhật địa bàn và danh sách các hộ điều tra nhằm điều chỉnh những biến động về địa bàn và số hộ đã xảy ra trong thời gian từ khi lập bảng kê đến trước thời điểm Tổng điều tra. Trong khi rà soát, cập nhật cần đặc biệt chú ý đến những khu vực dân cư mới được chia tách, bị sát nhập về địa giới hành chính, được chuyển loại đơn vị hành chính từ cấp xã sang cấp phường, khu đô thị mới, thị tứ, thị trấn mới được mở rộng địa giới sau thời điểm lập bảng kê.

b) Bảng kê còn tiếp tục được điều tra viên trong quá trình điều tra rà soát, hiệu chỉnh lại để bổ sung những hộ chưa có trong bảng kê và loại bỏ những hộ không còn ở địa bàn trước thời điểm 01/7/2011¹.

3. Một số vấn đề cần chú ý khi lập bảng kê hộ điều tra toàn bộ

a) Những chú ý liên quan đến địa bàn thuộc khu vực thành thị hoặc khu vực nông thôn:

- Đối với địa bàn điều tra ở khu vực nông thôn (ở các xã): Người lập bảng kê đến từng hộ lập bảng kê mới theo mẫu qui định, song có đối chiếu với “Bảng kê số nhà, số hộ, số người” của địa bàn từ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 do Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh cấp;

- Đối với địa bàn điều tra ở khu vực thành thị (ở các phường, thị trấn): người lập bảng kê phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố rà soát, lập danh sách những hộ trên địa bàn có tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Dựa vào danh sách đó, người lập bảng kê trực tiếp đến từng hộ để thẩm định lại và ghi những hộ nông nghiệp, hộ lâm nghiệp và hộ thủy sản vào bảng kê theo mẫu qui định.

Khái niệm về hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản được qui định như sau:

- Hộ Nông nghiệp là những hộ có toàn bộ hoặc phần lớn lao động của hộ tham gia sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp).

- Hộ Lâm nghiệp là những hộ có toàn bộ hoặc phần lớn lao động của hộ tham gia sản xuất lâm nghiệp (trồng rừng, nuôi dưỡng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ, lâm sản và các dịch vụ lâm nghiệp).

- Hộ Thủy sản là những hộ có toàn bộ hoặc phần lớn lao động của hộ tham gia nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và các dịch vụ thủy sản.

b) Những chú ý đối với các trường hợp đặc thù:

- Đối với những hộ cùng ở chung trong một nhà nhưng thực chất là những hộ kinh tế khác nhau (xem giải thích khái niệm về hộ ở phần trên) thì phải ghi tách riêng thành các hộ trong bảng kê. Đối với những hộ có nhiều nhà ở khác nhau thì lập bảng kê theo nơi ở chính của hộ.

- Những hộ sống bằng nghề thuyền chài, sông nước: nếu có nhà ở trên bờ thì lập bảng kê tại nơi họ có nhà ở; nếu không có nhà ở trên bờ nhưng có đăng ký tại bến gốc thì lập bảng kê tại địa bàn nơi có bến gốc mà hộ đăng ký.

¹ Bảng kê cần được giao cho điều tra viên ít nhất một ngày trước thời điểm điều tra để nghiên cứu nắm tình hình chung trước khi điều tra thu thập thông tin tại địa bàn. Mỗi lần điều tra xong một hộ, điều tra viên phải ghi rõ ngày đã điều tra vào bảng kê để tránh bỏ sót hoặc điều tra trùng lặp hộ trong địa bàn. Sau khi thu thập thông tin xong, điều tra viên phải bàn giao lại toàn bộ bảng kê và phiếu điều tra cho tổ trưởng theo qui định trong qui trình bảo quản và bàn giao tài liệu Tổng điều tra.

- Các hộ không thuộc thôn, ấp, bản nào quản lý, nhưng nằm trong lãnh thổ của địa bàn nào thì lập danh sách vào địa bàn đó. Trường hợp các hộ này (kể cả hộ của các doanh nghiệp, tổ chức,... trên địa bàn xã) không nằm trong lãnh thổ của địa bàn nào thì lập danh sách vào địa bàn liền kề thuận tiện nhất.

4. Qui định về hiệu chỉnh, cập nhật bảng kê hộ điều tra toàn bộ

- Đối với những hộ chuyển đi khỏi địa bàn, người hiệu chỉnh bảng kê gạch bỏ hộ đó trên danh sách bảng kê và ghi vào cột ghi chú là “cả hộ chuyển đi” nhưng không cần đánh lại số thứ tự những hộ tiếp theo;

- Đối với những hộ mới chuyển đến hoặc tách hộ, người hiệu chỉnh bảng kê ghi bổ sung thêm vào cuối bảng kê cho những hộ mới và ghi vào cột ghi chú “hộ mới chuyển đến” hoặc “hộ mới tách từ hộ số ...”.

Ví dụ: Địa bàn A có 150 hộ, từ thời điểm lập bảng kê đến ngày hiệu chỉnh có một trường hợp mới tách hộ (từ hộ có số thứ tự 10) và hai hộ mới chuyển đến (một hộ có vị trí gần hộ có số thứ tự 50 và một hộ có vị trí gần hộ có số thứ tự 70), khi đó người hiệu chỉnh bảng kê ghi như sau:

- Ghi hộ mới tách ra từ hộ số 10 vào cuối bảng kê và đánh số thứ tự là 151, đồng thời ghi vào cột ghi chú “hộ mới tách từ hộ số 10”;

- Ghi hộ mới chuyển đến gần hộ số 50 vào cuối bảng kê và ghi số thứ tự là 152, đồng thời ghi vào cột ghi chú “hộ mới chuyển đến”;

- Ghi hộ mới chuyển đến gần hộ số 70 vào cuối bảng với số thứ tự là 153 và ghi vào cột ghi chú “hộ mới chuyển đến”;

- Ở cột ghi chú, ghi M151 vào hộ số 10, M152 vào hộ số 50 và M153 vào hộ số 70 để ĐTV nhận biết được có hộ mới tách hoặc chuyển đến để chủ động bố trí thời gian điều tra.

II. QUI TRÌNH LẬP BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA MẪU

1. Hộ điều tra mẫu

Hộ điều tra mẫu (sau đây gọi tắt là hộ mẫu) là hộ điều tra toàn bộ được chọn ra từ địa bàn điều tra mẫu (sau đây gọi tắt là địa bàn mẫu) để được yêu cầu cung cấp thêm thông tin phục vụ cho mục đích nghiên cứu chuyên sâu thông qua Phiếu điều tra số 04/TĐNN-HM. Hộ mẫu chỉ gồm hộ ở khu vực nông thôn

Địa bàn mẫu là địa bàn ở khu vực nông thôn được Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương chọn ra từ dân mẫu chủ 15% của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã được cập nhật. Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương chọn các địa bàn mẫu cho

từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo một phương pháp chọn mẫu thống nhất².

2. Quy trình lập bảng kê hộ mẫu

Bước 1. Xác định địa bàn điều tra mẫu, rà soát, cập nhật, lập danh sách địa bàn điều tra

a) Tổng cục Thống kê chọn các địa bàn mẫu cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và gửi cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh để tổ chức rà soát, cập nhật.

b) Do địa bàn mẫu cũng chính là địa bàn điều tra toàn bộ nên việc rà soát, cập nhật, lập danh sách địa bàn mẫu thực hiện đồng thời với quá trình rà soát, cập nhật, lập danh sách địa bàn toàn bộ với đúng quy trình của địa bàn toàn bộ.

Bước 2. Lập bảng kê hộ mẫu

a) Trên cơ sở danh sách địa bàn mẫu do Ban Chỉ đạo TĐT TRUNG ƯƠNG xác định cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc TRUNG ƯƠNG, Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện tiến hành chọn hộ điều tra mẫu cho từng địa bàn mẫu theo đúng quy trình chọn mẫu thống nhất đã được Ban Chỉ đạo TĐT TRUNG ƯƠNG ban hành;

b) Bảng kê các hộ mẫu được lập cho từng địa bàn mẫu theo Mẫu số 05-BK/TĐTNN-HM bao gồm các thông tin sau:

- Số thứ tự hộ;
- Họ, tên chủ hộ;
- Địa chỉ của hộ;
- Số thứ tự trong bảng kê hộ điều tra toàn bộ.

c) Người lập bảng kê sau khi hoàn thành việc lập bảng kê phải ký tên, ghi rõ họ, tên và bàn giao đầy đủ bảng kê cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã³.

III. QUI TRÌNH LẬP BẢNG KÊ TRANG TRẠI

1. Đối tượng lập bảng kê trang trại

Căn cứ vào tiêu chí xác định kinh tế trang trại mới nhất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định, đối tượng lập bảng kê trang trại bao

² Chi tiết xem Quy trình chọn mẫu

³ Phân ký tên của điều tra viên tại Mẫu số 05-BK/TĐTNN-HM do điều tra viên ký sau khi kết thúc thu thập thông tin.

gồm cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản phải thỏa mãn điều kiện sau:

- a) Đối với cơ sở chăn nuôi, thủy sản phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1 000 triệu đồng/năm trở lên;
- b) Đối với cơ sở trồng trọt và sản xuất tổng hợp có diện tích tối thiểu 2 ha liền khu và giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 500 triệu đồng/năm trở lên;
- c) Đối với cơ sở lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 5 ha liền khu và giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 350 triệu đồng/năm trở lên.

2. Quy trình lập bảng kê trang trại

Bước 1. Xác định đối tượng lập bảng kê trang trại

Căn cứ vào quy định về đối tượng lập bảng kê trang trại nêu trên và danh sách trang trại hiện có tại địa phương, người lập bảng kê phối hợp với trưởng thôn/ấp/bản, tổ trưởng tổ dân phố rà soát, xác định những trường hợp đạt tiêu chí trang trại theo từng thôn/ấp/bản/tổ dân phố và thông qua cán bộ Văn phòng - Thống kê trước khi thực hiện lập bảng kê.

Bước 2. Lập bảng kê trang trại

a) Người lập bảng kê phải đến từng trang trại trong xã, phường, thị trấn để lập bảng kê theo Mẫu số 04-BK/TĐTNN-TT với các thông tin như sau:

- Số thứ tự trang trại;
- Họ, tên chủ trang trại;
- Địa chỉ của trang trại;
- Số thứ tự trong bảng kê hộ điều tra toàn bộ (nếu có);
- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diện tích nuôi trồng thủy sản của trang trại;
- Giá trị sản lượng hàng hóa nông, lâm, thủy sản của trang trại trong 12 tháng qua.

b) Việc lập bảng kê trang trại của xã thực hiện lần lượt từ thôn này đến thôn khác trong xã, số thứ tự của trang trại được đánh số liên tục từ trang trại đầu tiên đến trang trại cuối cùng trong xã;

c) Người lập bảng kê sau khi hoàn thành việc lập bảng kê phải ký tên, ghi rõ họ, tên và bàn giao đầy đủ bảng kê cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã hoặc Chủ tịch UBND phường, thị trấn nơi không đủ điều kiện thành lập Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã.



Bước 3. Cập nhật bảng kê trang trại

Trong quá trình điều tra, điều tra viên rà soát, hiệu chỉnh lại bảng kê để bổ sung những cá nhân, hộ gia đình đạt tiêu chí trang trại chưa có trong bảng kê và loại bỏ những cá nhân, hộ gia đình không đạt tiêu chí trang trại.

PHẦN III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Tổ chức hội nghị triển khai Quyết định Tổng điều tra và hướng dẫn lập bảng kê

Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh tổ chức hội nghị cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện; Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện tổ chức hội nghị cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã. Các hội nghị này thực hiện trước ngày 15/4/2011.

2. Báo cáo kết quả thực hiện lập bảng kê

a) Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã lập danh sách địa bàn điều tra, bảng kê hộ, bảng kê hộ mẫu (nếu có điều tra mẫu tại xã) và báo cáo về Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện số lượng địa bàn và số lượng hộ (Mẫu số 02-ĐB.H/TĐTNN) trước ngày 30/4/2011.

b) Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện tổng hợp và báo cáo tổng số địa bàn và số hộ (Mẫu số 02-ĐB.H/TĐTNN) lên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trước ngày 05/5/2011.

c) Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh báo cáo số địa bàn và tổng số hộ thuộc diện điều tra (Mẫu số 02-ĐB.H/TĐTNN) lên Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương trước 10/5/2011.

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA TRUNG ƯƠNG



STT	Địa chỉ địa bàn điều tra	Số hộ	Ghi chú
1	2	3	4
TỔNG SỐ			X
Tổng số địa bàn điều tra:			

....., ngày tháng năm 2011
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TĐT/CHỦ TỊCH UBND
xã/phường/thị trấn
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu của UBND
xã/phường/thị trấn)



BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Báo cáo số hộ và số địa bàn điều tra

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

STT	Xã/phường/thị trấn	Số địa bàn điều tra	Số hộ	Ghi chú
1	2	3	4	5
TỔNG SỐ				X
Tổng số địa bàn điều tra:				

....., ngày tháng năm 2011

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TĐT/CHỦ TỊCH UBND

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này sử dụng cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện và cấp tỉnh. Đối với cấp tỉnh, cột 2 sửa thành là: Huyện, thị xã, thành phố



BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê hộ điều tra toàn bộ

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

Xã:

Thôn/ấp/bản:

Tên địa bàn điều tra: Địa bàn điều tra số:

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Diện tích đất NLTS (m ²)	Ngày điều tra	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					



Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Diện tích đất NLTS (m ²)	Ngày điều tra	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					
37					
38					
39					
40					
41					
42					
43					
44					
45					
46					
47					
48					
49					
50					
51					
52					
53					
54					
55					
56					
57					
...					
...					

Ngày tháng năm 2011

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2011

Người hiệu chỉnh bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2011

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)



BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê hộ điều tra mẫu

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

Xã:

Thôn/ấp/bản:

Tên địa bàn điều tra: Địa bàn điều tra số:

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	STT trong bảng kê hộ điều tra toàn bộ	Ngày điều tra	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					
21					
22					
23					
24					



Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	STT trong bảng kê hộ điều tra toàn bộ	Ngày điều tra	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
25					
26					
27					
28					
29					
30					
	Hộ dự phòng				
31					
32					
33					

Ngày tháng năm 2011

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2011

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)



BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê trang trại

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

Xã/phường/ thị trấn:

STT	Họ, tên chủ trang trại	Địa chỉ của trang trại (ghi theo địa điểm sản xuất nếu chủ trang trại ở ngoài xã, phường, thị trấn)	STT trong bảng kê hộ điều tra toàn bộ (nếu có)	Diện tích đất của trang trại tại thời điểm lập bảng kê (ha)			Giá trị sản lượng hàng hóa nông, lâm thủy sản 12 tháng qua (triệu đồng)	Ngày điều tra	Ghi chú
				Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Diện tích nuôi trồng thủy sản			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1									
2									
3									
....									

Ngày tháng năm 2011
Người lập bảng kê
(ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm 2011
Người hiệu chỉnh bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2011
Điều tra viên
(ký, ghi rõ họ, tên)